

XÁC ĐỊNH TƯ CÁCH CỦA NGƯỜI THAM GIA VÀO GIAI ĐOẠN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỪ NHỮNG VỤ ÁN HÌNH SỰ PHỨC TẠP

■ HÒ QUÂN CHÍNH *

Tóm tắt: Trong bài viết này, tác giả nêu lên một số đặc điểm về đương sự trong thi hành án phần dân sự tại các bản án, quyết định hình sự; phân tích việc xác định tư cách của những người tham gia vào giai đoạn thi hành án dân sự trong bản án hình sự từ một vụ việc cụ thể để thấy được sự phức tạp, khó khăn của vấn đề, từ đó, đưa ra phương pháp tiếp cận và cách giải quyết những khó khăn trên.

Abstract: In this article, the author points out some characteristics of participants in civil judgment execution in criminal judgments and decisions; analyzes the determination of the status of participants in the civil judgment execution phase in a criminal judgment from a specific case to see the complexity and difficulty of the matter, thereby, giving approach method and ways to deal with these problems.

1. Khái niệm đương sự trong thủ tục thi hành án dân sự

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 (Luật Thi hành án dân sự), đương sự trong thi hành án dân sự (THADS) chỉ có thể là người được thi hành án hoặc người phải thi hành án. Những người này thường được xác định rõ trong bản án, quyết định. Ngoài người được thi hành án và người phải thi hành án thì trong quá trình thi hành án còn có thể có những người khác mà việc tổ chức thi hành án làm ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ, những người này được pháp luật về THADS xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Khái niệm “đương sự” trong Luật Thi hành án dân sự và “đương sự” trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đang có điểm chưa tương đồng. Theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì hầu hết những người tham gia vào vụ việc dân sự đều được gọi chung là “đương sự”. Khái niệm “đương sự” trong Luật Thi hành án dân sự hẹp hơn khái niệm “đương

sự” trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc thu hẹp khái niệm đương sự trong Luật Thi hành án dân sự như hiện nay đang tạo ra một số bất cập trong quá trình tổ chức thi hành án. Ví dụ, Điều 6 Luật Thi hành án dân sự quy định: “... Đương sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Kết quả thi hành án theo thỏa thuận được công nhận...”; Điều 7 Luật Thi hành án dân sự quy định về quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lại không quy định cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền tham gia vào các thỏa thuận thi hành án. Điều này có thể sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong trường hợp họ có tài sản bị kê biên xử lý (ví dụ như trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người có tài sản bảo lãnh, tài sản bảo đảm cho việc thi hành án). Đây cũng là điều gây lúng túng cho chấp hành viên khi giải quyết việc thi hành án, vì nếu không cho họ tham gia vào việc thỏa thuận thì có thể sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của họ, còn cho họ tham

gia vào thỏa thuận thì không có căn cứ. Do vậy, trong thực tiễn, chấp hành viên phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để quyết định cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia vào thỏa thuận thi hành án hay không dựa trên nguyên tắc là bảo đảm tối đa quyền lợi hợp pháp cho các bên tham gia.

2. Thi hành phần dân sự trong các bản án, quyết định hình sự

Hiện nay, kết quả thi hành án đối với phần nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự đạt được còn hạn chế vì gặp phải những khó khăn, vướng mắc cả về mặt thể chế và thực tiễn thi hành mang tính đặc thù của loại việc này. Một trong những khó khăn đó là việc xác định tư cách của người tham gia vào giai đoạn THADS. Trên thực tế, việc xác định tư cách của những người này trong một số bản án hình sự phức tạp rất khó khăn và nếu xác định sai tư cách tham gia của họ thì sẽ dẫn đến sai sót trong quá trình tổ chức thi hành án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như làm giảm hiệu quả của công tác THADS. Một số khó khăn thường gặp đó là:

(i) Phần lớn đối tượng phải thi hành nghĩa vụ dân sự trong các bản án hình sự thường là các đối tượng phải chấp hành hình phạt tù. Do đó, họ không có hoặc chưa có điều kiện, tài sản để thi hành án. Đặc biệt, việc thi hành án không có điều kiện thi hành thường rơi vào các đối tượng phạm các tội về ma túy, trộm cắp, cướp giật, đánh bạc... mà hầu hết các đối tượng này trước khi phạm tội thường là không có việc làm, sống nhờ gia đình hoặc sống lang thang không có địa chỉ cũng như tài sản để bảo đảm cho việc thi hành án. Thậm chí nhiều trường hợp bị tuyên án chung thân, tử hình, hoặc nợ án cũ chưa thi hành xong lại tiếp tục bị tuyên phạt tiền trong vụ án mới, “án chồng án” nên việc thi hành án phần nghĩa vụ dân sự rất khó khăn và trong nhiều trường hợp có thể nói

là không thể thi hành được. (ii) Nhiều bản án hình sự tuyên buộc bị cáo nộp án phí, nộp tiền sung công... đã không thể thi hành vì vướng mắc như địa chỉ của bị cáo ghi trong bản án không đúng, bị cáo không có tài sản, cơ quan thi hành án không biết bị cáo “lưu lạc” ở đâu... Khó khăn trong việc xác định địa chỉ và “đi tìm” đương sự khi họ đang chấp hành án tù không chỉ là của cá biệt địa phương nào mà trở nên phổ biến ở các cơ quan THADS hiện nay. Việc không tìm được đương sự hay tìm được nhưng phải mất nhiều công sức trước hết làm ảnh hưởng đến chính quyền lợi hợp pháp của họ, đặc biệt là ảnh hưởng đến việc xem xét đặc xá đối với những phạm nhân cải tạo tốt (vì theo quy định, phạm nhân phải chấp hành xong phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự thì mới được xem xét đặc xá nhưng nếu cơ quan THADS không biết phạm nhân đó ở trại giam nào thì sẽ rất khó khăn cho họ trong việc thực hiện các nghĩa vụ này). (iii) Một số bản án tuyên phần dân sự trong bản án hình sự chưa thực sự rõ ràng, khó thi hành, đặc biệt là rất khó xác định tư cách đương sự trong quá trình tổ chức thi hành án.

3. Xác định tư cách người tham gia việc thi hành án dân sự từ một vụ việc cụ thể

Tóm tắt nội dung vụ việc theo bản án như sau: Công ty TP có bà H là Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông N là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong quá trình hoạt động, Công ty TP đã mua gom đất (nhận chuyển nhượng) của các hộ dân tại địa phương, sau đó, bà H và ông N (ông N và bà H sống với nhau như vợ chồng) đã lập giả hồ sơ để Công ty TP được Ủy ban nhân dân thành phố P ra quyết định cho chuyển mục đích sử dụng đất đầu tư dự án cụm dân cư. Bà H và ông N đã sử dụng quyết định trên để vay 3.000 lượng vàng và 18 tỷ đồng của ngân hàng, qua đó lừa đảo chiếm đoạt tiền của ngân hàng.

Sau khi vụ việc bị phát hiện, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bà H, ông N, những người có liên quan trước pháp luật. Riêng về phần dân sự trong bản án hình sự thì không bị kháng cáo, kháng nghị và có nội dung (trích) như sau: “Buộc bà H, ông N liên đới bồi thường cho ngân hàng 3.000 lượng vàng SJC và 18 tỷ đồng, phân định mỗi người chịu trách nhiệm bồi thường 1/2. Kê biên toàn bộ diện tích đất có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng của các hộ sau đây để bảo đảm thi hành án: Giấy chứng nhận số H00193 ngày 23/5/2005 diện tích 2.426 m² của ông R... Kê biên một phần diện tích đất có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ sau đây để bảo đảm thi hành án: Giấy chứng nhận số 0417 ngày 16/6/2000 tổng diện tích 13.024 m² của ông V, diện tích kê biên... Tổng số bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đang được ngân hàng lưu giữ. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông N không thi hành án sẽ phải chịu lãi tính theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành”.

Việc xác định đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi thi hành án phần dân sự:

Đối với những bản án, quyết định hình sự mà những người tham gia đều là cá nhân thì việc xác định tư cách chủ thể tham gia trong giai đoạn THADS cũng giống như các vụ việc THADS khác. Tuy nhiên, nếu trong vụ án mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình thông qua pháp nhân thì khi giải quyết việc THADS cần phải đặc biệt chú ý đến vấn đề xác định tư cách chủ thể. Đồng thời, cần tách bạch tư cách chủ thể và tài sản cũng như trách nhiệm liên đới giữa cá nhân và pháp nhân. Vụ việc đã nêu ở trên là một điển hình cho việc xác định tư cách chủ thể (đương

sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trong thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự.

Thứ nhất, đây là một vụ án hình sự liên quan đến pháp nhân, người phạm tội đã thực hiện hành vi vi phạm của mình thông qua tư cách của pháp nhân. Vợ chồng ông N, bà H là chủ, đại diện theo pháp luật của Công ty TP, việc phạm tội của họ đều được thực hiện dưới hình thức đại diện cho pháp nhân (tất cả các giấy tờ, hợp đồng, thậm chí là tài sản đều đứng tên của pháp nhân chứ không phải là cá nhân). Tuy nhiên, theo nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm hình sự thì những người đã thực hiện hành vi vi phạm đó phải chịu trách nhiệm cá nhân. Chính vì vậy, Tòa án đã tuyên trách nhiệm dân sự trong bản án này thuộc về hai cá nhân, cụ thể là ông N và bà H. Đồng thời, Tòa tuyên kê biên quyền sử dụng đất trong các giấy chứng nhận hiện đang đứng tên các cá nhân khác.

Theo như vụ việc trên thì các quyền sử dụng đất kê biên đã có hợp đồng chuyển nhượng cho Công ty TP nhưng vẫn chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng, sang tên theo quy định của pháp luật về đất đai. Các quyền sử dụng đất này về mặt pháp lý vẫn đang đứng tên các cá nhân cụ thể. Trên thực tế thì các hộ dân này đã chuyển nhượng đất cho Công ty TP và đã nhận đủ tiền.

Như vậy, về phần dân sự trong vụ án hình sự này, Công ty TP là một bên đương sự không thể vô can và đứng ngoài vụ việc được vì nó là một bên trong các giao dịch vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, khi chuyển sang giai đoạn THADS đối với phần dân sự trong bản án hình sự thì cơ quan THADS chỉ căn cứ vào nội dung bản án đã tuyên để tổ chức thi hành án mà trong nội dung án tuyên không nhắc đến Công ty TP. Vậy, vấn đề đặt ra là, cơ quan thi hành án (chấp hành viên) có được xem Công ty TP đương nhiên là người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình THADS không?

Thứ hai, những hộ nông dân còn đứng tên trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó có được xem đương nhiên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc THADS khi xử lý các quyền sử dụng đất này không? Các quyền sử dụng đất này có phải là của các hộ dân không? Đối với những hộ dân có “một phần” diện tích đất đã bị Tòa án tuyên kê biên thì một phần còn lại vẫn thuộc quyền sử dụng của họ nhưng chưa có cơ sở nào để xác định rằng họ đương nhiên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc thi hành án.

Để xác định được tư cách của Công ty TP và các hộ dân đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Tòa án đã tuyên kê biên có phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thì đang có nhiều quan điểm khác nhau. Quan điểm thứ nhất cho rằng, Công ty TP và những hộ dân có đất bị tuyên kê biên đều đương nhiên được xem là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quan điểm thứ hai cho rằng, chỉ có Công ty TP mới là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, còn các hộ dân không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì việc mua bán (chuyển nhượng) của họ với Công ty TP đã hoàn thành trên thực tế. Quan điểm thứ ba lại cho rằng, Công ty TP và các hộ dân đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì về bản chất, các quyền sử dụng đất trên đều là tài sản của ông N và bà H.

Qua vụ việc trên cho thấy, việc xác định tư cách của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự ở một số trường hợp là khá phức tạp. Để giải quyết vấn đề trên, theo tác giả, trước hết phải căn cứ

vào quy định của Luật Thi hành án dân sự về vấn đề người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo đó, khoản 4 Điều 3 quy định: “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự”. Có nghĩa là, khi chấp hành viên tổ chức thi hành án mà việc thực hiện đó ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân hay tổ chức khác thì những người này được gọi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Điều này cũng có nghĩa là, không phải tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong bản án sẽ đương nhiên trở thành người có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ việc THADS.

Trở lại vụ việc trên, để xác định Công ty TP và các hộ dân đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị Tòa án tuyên kê biên có phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không, nếu chỉ căn cứ vào nội dung bản án tuyên thì chưa đủ cơ sở và rất khó xác định. Cho nên, trong trường hợp này, chấp hành viên phải tự mình xem xét và quyết định xem việc tổ chức thi hành án có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của những người này không. Trường hợp thứ nhất, ông N và bà H có điều kiện thi hành án và tự nguyện thi hành án xong (không phải xử lý đến tài sản mà Tòa án đã tuyên kê biên) ngay sau khi có quyết định thi hành theo đơn yêu cầu của ngân hàng. Trường hợp này có người sẽ cho rằng, việc thi hành án không làm phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, điều này “có thể”¹ không đúng, vì khi đương sự tự nguyện thi hành án thì chấp hành viên phải làm thủ tục để kết thúc việc kê biên tài sản. Vậy, khi chấm dứt việc kê biên thì có ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của ai không? Tài sản kê biên này sẽ được trả lại cho ai? Như vậy, rõ ràng, nếu việc chấm dứt kê biên mà ảnh hưởng đến

quyền lợi của người khác liên quan đến tài sản đã kê biên thì sẽ phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp thứ hai, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành hoặc có thỏa thuận việc thi hành án nhưng liên quan đến tài sản kê biên. Khi đó, chấp hành viên sẽ phải tiến hành xử tài sản đã bị Tòa án kê biên để thi hành án. Trong trường hợp này, chấp hành viên phải xem xét việc xử lý tài sản kê biên có ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức nào không? Nếu có phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì chấp hành viên phải thực hiện việc thông báo thi hành án cho họ theo quy định.

Từ những phân tích trên cho thấy, một trong những yếu tố quan trọng để quyết định xem một người có phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án hay không chính là tính liên quan đến tài sản thi hành án. Để xác định được Công ty TP và các hộ dân đang đứng tên trên giấy chứng nhận có phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hay không thì phải xác định được tài sản đã bị Tòa án tuyên kê biên là của ai. Một nguyên tắc cơ bản là việc thi hành án phải căn cứ vào nội dung bản án, cụ thể là phần quyết định của bản án. Tuy nhiên, nếu chỉ căn cứ vào bản án thì cũng chưa đủ cơ sở để xác định chủ sở hữu, sử dụng của tài sản, vì theo như nội dung bản án tuyên thì người phải thi hành án là ông N và bà H nhưng tài sản kê biên lại là đất của các hộ dân trong khi các quyền sử dụng đất này thực tế đã chuyển nhượng cho Công ty TP.

Vậy, tài sản đã bị Tòa án tuyên kê biên thực chất là của ai? Có quan điểm cho rằng, tài sản kê biên này là tài sản của ông N và bà H. Tuy nhiên, trong nội dung quyết định của bản án không thể hiện điều đó và trên thực tế không có một tài liệu nào đủ để chứng minh về mặt pháp lý nó là tài sản của người phải thi

hành án (cho dù về nguồn gốc, bản chất có thể là của họ). Quan điểm khác lại cho rằng, đây là tài sản của Công ty TP vì toàn bộ hồ sơ thế chấp cũng như hồ sơ dự án đều do Công ty TP là pháp nhân đứng tên nên nó là tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty TP, do đó, việc Tòa án tuyên kê biên tài sản bảo đảm để thanh toán cho ngân hàng, sau khi xử lý tài sản để thi hành án nếu còn thừa thì sẽ trả lại tiền, tài sản cho Công ty TP. Tuy nhiên, nếu như vậy thì tại sao Tòa án lại kê biên tài sản của Công ty để thi hành án cho cá nhân và tại sao Tòa án lại không nói rõ là tài sản của Công ty TP? Bên cạnh đó, cũng có quan điểm cho rằng, tài sản kê biên này là của các hộ dân nhưng rõ ràng các hộ dân này không phải là người phải thi hành án và trên thực tế họ cũng đã chuyển nhượng cho Công ty TP. Vì vậy, trong vụ việc này, để xác định được tư cách của Công ty TP và những hộ dân đứng tên trên giấy chứng nhận chính là phải xác định được rõ ràng tài sản Tòa án tuyên kê biên là tài sản của ai.

Để làm rõ vấn đề tài sản trong vụ việc trên cũng như các vụ việc tương tự, chúng ta cần phải xem xét căn cứ kê biên trong các vụ án hình sự. Kê biên tài sản là một trong những biện pháp cưỡng chế trong hoạt động tố tụng hình sự. Theo đó, khoản 1 Điều 128 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: "Việc kê biên tài sản chỉ áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tiền hoặc có thể bị tịch thu tài sản hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại". Về cơ bản, việc kê biên tài sản trong tố tụng hình sự hiện nay "... chỉ được kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản thuộc sở hữu riêng của bị can, bị cáo. Tài sản, tài khoản kê biên, phong tỏa có thể liên quan đến hành vi phạm tội của bị can, bị cáo như dùng tiền tham những mua xe ô tô, mua đất, mua nhà... Để kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành điều tra, xác minh tài sản, tài

khoản thuộc sở hữu của bị can, bị cáo hoặc tài sản, tài khoản có liên quan đến hành vi phạm tội của bị can, bị cáo, tránh việc kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản ảnh hưởng hoặc xâm phạm đến quyền lợi của người khác. Trên thực tế, việc áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản gặp rất nhiều khó khăn khi xác minh điều tra tài sản, tài khoản của bị can, bị cáo”².

Như vậy, căn cứ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, chúng ta có thể khẳng định, tài sản đã bị Tòa án kê biên là của bị cáo, cụ thể là ông N và bà H. Tuy nhiên, khi chuyển sang giai đoạn THADS, khi xử lý tài sản thì chấp hành viên lại cần phải có một căn cứ pháp lý cụ thể hơn chứ không thể suy đoán như vậy. Tác giả cho rằng, nếu chỉ căn cứ theo bản án thì chấp hành viên chưa thể xác định được tài sản bị kê biên là của ai và Công ty TP, những hộ dân đứng tên trên giấy chứng nhận có phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hay không. Để làm rõ hơn vấn đề trên, chấp hành viên, cơ quan THADS cần phải có văn bản xác minh đề nghị Tòa án có văn bản giải thích khẳng định thêm. Ngoài ra, nếu Tòa án xác định tài sản kê biên là của bị cáo (người phải thi hành án) thì cũng cần phải xác định thêm trong khối tài sản đó thì những tài sản nào là của ông N và những tài sản nào là của bà H vì thực tế, ông N và bà H sống với nhau như vợ chồng nhưng về mặt pháp lý không phải là vợ chồng.

4. Bài học kinh nghiệm và đề xuất, kiến nghị

Kinh nghiệm trong việc xác định tư cách của người tham gia vào giai đoạn THADS từ những vụ án

hình sự phức tạp đó là chấp hành viên phải nghiên cứu kỹ bản án, quyết định, xác định đúng và đầy đủ các chủ thể tham gia vào quá trình tổ chức thi hành án. Các bản án, quyết định hình sự, đặc biệt là các vụ đại án về kinh tế, tham nhũng trong những năm gần đây có tính chất đặc biệt phức tạp, các mối quan hệ pháp luật dân sự, kinh tế, hình sự, hành chính... trong cùng một vụ án đan xen lẫn nhau rất khó bóc tách, những bản án này thường rất dài. Do vậy, nếu chấp hành viên không nghiên cứu kỹ toàn bộ bản án và các tài liệu liên quan mà chỉ tập trung vào nội dung án tuyên sẽ dễ dẫn đến việc bỏ sót các thông tin quan trọng mà trong phần quyết định không có. Ngoài ra, việc nghiên cứu kỹ bản án sẽ giúp cho chấp hành viên có một cái nhìn toàn diện đối với vụ việc, có đầy đủ các thông tin quan trọng về tài sản, nhân thân và đặc biệt là mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự, bị can, bị cáo trong vụ án, qua đó, chấp hành viên có thể xác định được tư cách của các đối tượng có thể tham gia vào quá trình giải quyết việc thi hành án và giúp chấp hành viên có định hướng trong việc xác minh, tìm kiếm thông tin khác.

Một nguyên tắc cơ bản trong THADS đó là cơ quan thi hành án phải thi hành đúng nội dung bản án, quyết định của Tòa án. Do vậy, cơ quan xét xử cần chú trọng hơn nữa vào việc phân tích, đánh giá toàn diện các vấn đề liên quan đến phần dân sự và đưa vào phần quyết định của bản án một cách đầy đủ, khả thi. Điều này sẽ bảo đảm cho bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật được thi hành nhanh chóng, nghiêm minh, đúng pháp luật □

1. Tác giả dùng từ “có thể” ở đây vì chưa có đủ cơ sở xác định rõ ràng tài sản kê biên là của ai, nên chưa thể khẳng định được việc thi hành án có làm phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hay không.

2. Lê Đình Nghĩa, Kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản - Những vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện, Tạp chí Tòa án, số 9/2020.